

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT A
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 427/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 7 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT A

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Khoa

2. Ông Trần Đình Diệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh A, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 4B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị B, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh A trình bày: Anh kết hôn với chị B năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 4 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn 4B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng được hai năm. Đến năm 2013 thì vợ chồng anh chuyển về sinh sống tại thôn 8, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm

2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau trong việc quản lý kinh tế và chi tiêu trong sinh hoạt gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặt khác anh có uống rượu bị tai nạn thì chị B không quan tâm chăm sóc mà còn xúc phạm anh và gia đình anh. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị B đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh đã bỏ về nB mẹ đẻ ở thôn 4B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng sống từ tháng 12 năm 2015 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh A khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị B không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn chị B.

Về con chung: Anh A trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh A trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2017 trình bày: Chị kết hôn với anh A vào năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại xã T được hai năm, đến năm 2013 thì vợ chồng chị về sinh sống tại thôn 8, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn do anh A thường xuyên uống rượu, chị đã khuyên giải nhưng anh A không nghe. Anh A đã bị tai nạn vào cuối năm 2015, chị đã chăm sóc anh A tại bệnh viện nhưng anh A đã tự bỏ về nB bố mẹ đẻ ở xã T từ tháng 12 năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh A đề nghị xin ly hôn chị, chị không đồng ý ly hôn. Về con chung và tài sản chung: Chị B trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến Hành xét xử vắng mặt bị đơn là chị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân của anh A và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 4 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh A và chị B hoà thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay anh A khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị B không còn, đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn chị B nhưng chị B không đồng ý ly hôn. Theo tài liệu xác minh thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị B do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau trong việc quản lý kinh tế và chi tiêu trong sinh hoạt gia đình, mặt khác anh A thường xuyên uống rượu, chị B đã khuyên giải nhưng anh A không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị B đã được gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Anh A và chị B đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2015 đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị B đã kéo dài và trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị B không đồng ý ly hôn nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên hòa giải, phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện chị B không mong muốn hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho anh A. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, cho anh A được ly hôn chị B.

[3] Về con chung: Anh A và chị B thống nhất vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh A và chị B thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử :

1. Anh A được ly hôn chị B.

2. Về án phí: Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000883 ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng; anh A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, huyện T, TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

